TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 90/2019/DSST Ngày: 07 - 11- 2019 V/v tranh chấp quyền về lối đi qua	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Ông Nguyễn Văn Trên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 121/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2019 về việc "tranh chấp quyền về lối đi qua" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: 1. Lê Bá C, sinh năm 1954; địa chỉ: ấp HTT, xã LH B, huyện LV, tỉnh ĐT;

2. Lê Thanh L, sinh năm 1956; địa chỉ: ấp HTT, xã LHB, huyện LV, tỉnh ĐT;

- *Bị đơn*: Bà Võ Kim C1, sinh năm 1966; địa chỉ: đường TT, p14, Q 5, TP.H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Phạm Thị Đài T, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp HTT, xã LHB, huyện LV, tỉnh ĐT là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. (theo văn bản ủy quyền ngày 16/7/2019).

(Các đương sự có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 3 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn là ông Lê Bá C và ông Lê Thanh L cùng trình bày:

Ông Lê Bá C đang sử dụng diện tích đất tại thửa số 21 và thửa số 48 cùng tờ bản đồ số 44 và ông Lê Thanh L sử dụng diện tích đất tại thửa 35 và thửa 52, tờ bản đồ số 44, đất toạ lạc tại ấp HTT, xã LHB, huyện LV, tỉnh ĐT. Con đường từ nhà ông Lê Bá C và Lê Thanh L ra đường công cộng phải đi qua phần đất của bà Võ Kim C1. Lối đi này có từ năm 1985, đây là lối đi duy nhất, có chiều dài 60m, chiều rộng 2,5m tổng diện tích 150m^2 lúc trước được ông Lê Thanh Q là chủ đất củ cho ông C, L đi qua đường này để ra lộ công cộng. Đến năm 2000, ông Q bán đất này cho ông Võ Ngọc M và bà Phạm Thị Đài T, ông M và bà T tiếp tục cho ông C, L đi ra lối đi này. Đến năm 2014 ông M và bà T chuyển nhượng phần đất này cho bà Võ Kim C1, bà C1 cũng cho các ông đi bình thường. Nhưng đến năm 2015, bà C1 không cho các ông đi qua diện tích đất này nữa mà buộc phải trả tiền thuê lối đi, nên từ đó đến nay hàng năm ông L và ông C mỗi người phải đóng tiền thuê đường đi là 1.500.000đ. Ông C, L đã nhiều lần thương lượng với bà C1 để yêu cầu bà C1 cho sử dụng luôn lối đi này và ông C, ông L sẽ trả lại giá trị đất cho bà C1, nhưng bà C1 yêu cầu trả giá trị đất là 2.000.000đ/m^2 là quá cao. Nay ông C và ông L yêu cầu phía bà C1 mở lối đi có diện tích theo sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp đề ngày 02/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò cụ thể tại chu vi các mốc M3, M17, M16, M15, M21, M20, M19, M18, M5, M4 về M3 diện tích là 141,5m^2 và đồng ý trả giá trị đất cho bà C1. Mặc dù giá đất do Hội đồng định giá chỉ có 90.000đ/m^2 nhưng ông C và ông L đồng ý trả giá trị đất cho bà C1 là 300.000đ/m^2 = 42.450.000đ (Bốn mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Đồng ý trả giá trị cây trên đất gồm: 01 cây mận có giá 250.000đ/cây, 01 cây dừa có giá 800.000đ/cây, 05 cây mít có giá 35.000đ/cây = 175.000đ và 02 cây xoài có giá trị 55.000đ/cây = 110.000đ. Tổng cộng tiền đất và tiền cây là 43.785. 000đ (Bốn mươi ba triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ông C và ông L chịu.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bà Võ Kim C1 và bà Phạm Thị Đài T là người đại diện cho bà C1 thống nhất trình bày:

Bà Võ Kim C1 có các diện tích đất tại các thửa đất 213, 216 và 217 cùng tờ bản đồ số 6a, đất toạ lạc tại ấp HTT, xã LHB, huyện LV, tỉnh ĐT được Uỷ ban nhân dân huyện LV cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân bà C1 vào ngày 14/8/2014. Phần đất của ông L và ông C ở phía sau đất của bà C1 có đi nhờ qua phần đất của bà C1 để đi ra lộ công cộng, ngoài ra ông C và ông L không còn lối đi nào khác. Bà C1 đồng ý cho ông C và ông L được mở lối đi qua phần đất của bà C1 theo sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp đề ngày 02/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LV cụ thể tại chu vị các mốc M3, M17, M16, M15, M21, M20, M19, M18, M5,

M4 về M3 diện tích là 141,5m^2, nhưng yêu cầu ông C và ông L phải trả giá trị đất theo giá thị trường là 2.000.000đ/m^2 = 283.000.000đ (Hai trăm tám mươi ba triệu đồng). Giá do Hội đồng định giá là 90.000đ/m^2 là quá thấp, còn giá đất bà C1 đưa ra 2.000.000đ nhưng phía bà C1 không có chứng cứ để chứng minh, do ông C và ông L muốn mua đất để làm đương đi thì bà C1 đưa ra giá như vậy, ông C và ông L đồng ý giá đó thì bà C1 sẽ bán còn không đồng ý thì bà C1 không bán. Về cây trên đất thống nhất giá theo giá mà Hội đồng định giá đã định gồm: 01 cây mận có giá 250.000đ/cây, 01 cây dừa có giá 800.000đ/cây, 05 cây mít có giá 35.000đ/cây = 175.000đ và 02 cây xoài có giá trị 55.000đ/cây = 110.000đ.

Tại phiên Toà bà T đại diện cho bà C1 trình bày: Thừa nhận ngoài lối đi qua đất của bà C1 thì ông C và ông L không còn lối đi nào khác để ra lộ công cộng, bà C1 vẫn đồng ý cho ông C và ông L mở lối đi có diện tích là 141,5m^2 tại chu vi các mốc M3, M17, M16, M15, M21, M20, M19, M18, M5, M4 về M3 theo sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp đề ngày 02/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LV nhưng yêu cầu ông C và ông L phải trả giá trị đất là 1.000.000đ/m^2. Trường hợp ông C và ông L chưa có tiền để mua thì bà C1 tiếp tục cho ông C và ông L thuê lối đi này mỗi năm là 3.000.000đ, thời hạn thuê là từ 03 đến 05 năm, sau đó ông C và ông L phải mua lại lối đi này với giá là 1.000.000đ/m^2 thì bà C1 mới cho ông C và ông L làm lối đi vĩnh viễn. Việc đưa ra giá 1.000.000đ/m^2 bà T cho rằng đất là của bà C1 nên ông L và ông C muốn có lối đi thì phải bỏ ra số tiền như vậy, bà C1 mới chịu bán, còn không đồng ý với giá đó thì bà C1 không chịu bán. Bà C1 không yêu cầu định giá lại tài sản. Trường hợp ông C và ông L không đồng ý mua với giá 1.000.000đ/m^2 thì bà C1 đồng ý bỏ ra số tiền 42.450.000đ (Bốn mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tương đương với số tiền mà ông C và ông L đưa ra để bồi thường cho ông L và ông C tự tìm lối đi khác. Cây trên đất thống nhất trên đất có các loại cây gồm: 01 cây mận, 01 cây dừa, 05 cây mít và 02 cây xoài như biên bản xem xét thẩm định của Toà án, thống nhất mức giá theo Hội đồng định giá đã định. Trường hợp Toà án xử chấp nhận yêu cầu của ông C và ông L cây trên đất đồng ý giao cho ông L và ông C, bà C1 lấy giá trị cây theo giá mà Hội đồng định giá đã định.

- Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên toà từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quyan hệ tranh chấp và tư cách đương sự trong vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên toà.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh luận tại phiên toà xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 254 Bộ luật dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Giao cho nguyên đơn được sử dụng diện tích đất có chu vi các mốc M3, M17, M16, M15, M21, M20, M19, M18, M5, M4 về M3 diện tích là 141,5m^2, theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò ngày 2/7/2019 và chấp nhận sự tự nguyện của ông L và ông C trả giá trị đất cho bà C1 là 300.000đ/m^2 = 42.450.000đ (Bốn mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) và giá trị cây trên đất theo giá mà Hội đồng định giá đã định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn mở lối đi qua diện tích đất tại thửa 213 và 217 của bị đơn nên quan hệ tranh chấp được xác định là "tranh chấp quyền về lối đi qua" được quy định tại Điều 254 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Diện tích đất tranh chấp thuộc huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các tài liệu, chứng cứ của vụ án đã giao nộp đầy đủ, không cung cấp gì thêm và được Tòa án công khai đúng thủ tục. Qua hòa giải các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông Lê Bá C đang sử dụng diện tích đất tại thửa số 21 và thửa số 48 cùng tờ bản đồ số 44 và ông Lê Thanh L sử dụng diện tích đất tại thửa 35 và thửa số 52, tờ bản đồ số 44, đất toạ lạc tại ấp Hưng Thành Tây, xã Long Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Từ phần đất của ông C và ông L muốn đi ra lộ công cộng thì phải đi qua phần diện tích đất của bà Võ Kim C1 tại các thửa đất 213 và 217, ngoài ra không còn lối đi nào khác. Nay ông C và ông L yêu cầu phía bà C1 mở lối đi có diện tích theo sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp đề ngày 02/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LV cụ thể tại chu vi các mốc M3, M17, M16, M15, M21, M20, M19, M18, M5, M4 về M3 diện tích là 141,5m^2 thuộc một phần thửa đất số 213 và 217 cùng tờ bản đồ số 6a, đất toạ lạc tại ấp HTT, xã LHB, huyện LV, tỉnh ĐT được Uỷ ban nhân dân huyện LV cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân bà C1 vào ngày 14/8/2014 .

Bà Võ Kim C1 thừa nhận ngoài lối đi qua đất của bà C1 thì ông C và ông L không có lối đi nào khác để ra lộ công cộng. Phía bị đơn cũng thống nhất vị trí mà phía nguyên đơn yêu cầu được mở lối đi là tại chu vi các mốc M3, M17, M16, M15, M21, M20, M19, M18, M5, M4 về M3 diện tích là 141,5m^2 thuộc một phần thửa đất số 213 và 217 cùng tờ bản đồ số 6a, đất toạ lạc tại ấp Hưng Thành Tây, xã Long Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp được Uỷ ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân bà C1 vào ngày 14/8/2014 theo sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp đề ngày 02/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LV.

Tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật dân sự quy định:

Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ.

Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi.

Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Như vậy, yêu cầu về việc mở lối đi của ông C và ông L là phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Các bên cũng đã thống nhất được vị trí cũng như phần diện tích đất mở lối đi qua bất động sản liền kề. Do đó, Tòa án sẽ chấp nhận vị trí cũng như diện tích đất mà các đương sự đã thống nhất để mở lối đi qua.

[2.2] Về số tiền đền bù giá trị quyền sử dụng đất các đương sự đang có tranh chấp, cụ thể: Ông L và ông C đồng ý trả giá trị đất cho bà C1 là 300.000đ/m^2. Bà C1 chỉ đồng ý cho ông L và ông C mở lối đi qua đất của bà C1 theo như yêu cầu của ông L và ông C nếu ông C và ông L trả giá trị đất cho bà C1 là 1.000.000đ/m^2 với số tiền là 141.500.000đ, xét thấy:

Tại biên bản định giá tài sản ngày 15/8/2019, Hội đồng định giá xác định phần diện tích đất tranh chấp có giá là 90.000đ/m^2 tương đương 12.735.000đ. Nhưng ông L và ông C đồng ý trả giá trị đất cho bà C1 là 300.000đ/m^2 tương đương số tiền 42.450.000đ (141,5m^2 x 300.000đ/m^2). Còn bà C1 cho rằng giá do Hội đồng định giá đưa ra là quá thấp và giá mà ông L và ông C đưa ra cũng còn thấp nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh và cũng không có yêu cầu định giá lại. Phía bà C1 cho rằng, bà C1 là chủ sử dụng diện tích đất mà ông L và ông C đang yêu cầu mua để làm lối đi qua thì bà C1 có quyền đưa ra giá như vậy, ông C và ông L đồng ý với giá đó

thì mua còn không đồng ý thì bà C1 không bán. Như vậy, giá đất mà ông L và ông C đưa ra cao hơn gấp ba lần so với giá đất mà Hội đồng định giá đã định và có lợi cho phía bà C1. Do đó, Tòa án chấp nhận sự tự nguyện của ông C và ông L, ông C và ông L trả giá trị đất cho bà C1 là 300.000đ/m^2, với số tiền là 42.450.000đ (Bốn mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

[2.3] Trên diện tích đất giao cho ông L và ông C làm lối đi, phía bà C1 có trồng 01 cây mận, 01 cây dừa, 05 cây mít và 02 cây xoài. Sau khi giao diện tích đất cho ông C và ông L thì ông C và ông L đồng ý trả giá trị cây cho bà C1 theo giá mà Hội đồng định giá đã định. Bà C1 cũng thống nhất số cây trên đất là những cây trên, nếu Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì bà C1 cũng đồng ý giá theo Hội đồng định giá đã định và đồng ý lấy giá trị. Theo Hội đồng định giá đã định thì giá trị cây trên đất cho bà C1 gồm: 01 cây mận có giá 250.000đ/cây, 01 cây dừa có giá 800.000đ/cây, 05 cây mít có giá 35.000đ/cây = 175.000đ và 02 cây xoài có giá trị 55.000đ/cây = 110.000đ, tổng cộng là 1.335.000đ. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện của ông C và ông L trả giá trị cây cho bà C1 là 1.335.000đ (Một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào theo quy định tại Điều 147 Bộ luận tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 20/12/2016, buộc bà C1 phải chịu án phí đối với yêu cầu mở lối đi được Toà án chấp nhận, ông L và ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền thối giá trị lại cho bà C1.

[5] Nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng khác: Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 5.188.000đ (năm triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng), ông L và ông C tự nguyện chịu đã nộp và chi xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 254 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá C và ông Lê Thanh L.

1.1. Buộc bà Võ Kim C giao cho ông Lê Bá C và ông Lê Thanh L được quyền sử dụng phần đất có diện tích 141,5m^2 thuộc một phần thửa 213 và thửa 217, tờ bản đồ mới số 6a (bản đồ 299), tọa lạc tại ấp HTT, xã LHB, huyện LV, tỉnh ĐT để làm lối đi qua, vị trí tại chu vi các mốc M3, M17, M16, M15, M21, M20, M19, M18, M5, M4 về M3 theo sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 2 tháng 7 năm 2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LV.

Các đương sự được quyền liên hệ với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để yêu cầu cấp lại hoặc điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích đất mà bản án đã tuyên.

1.2. Ông Lê Bá C và ông Lê Thanh L liên đới trả tiền giá trị đất cho bà Võ Kim C1 là 300.000đ/m^2 x 141,5m^2 = 42.450.000đ và giá trị tiền cây trên đất là 1.335.000đ, tổng cộng là 43.785.000đ (Bốn mươi ba triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.3. Ông L và ông C được sở hữu cây trên đất gồm: 01 cây mận, 01 cây dừa, 05 cây mít và 02 cây xoài.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/4/2019 của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò và sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 2 tháng 7 năm 2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LV).

1.4. Về án phí: Bà Võ Kim C1 phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Bá C và ông Lê Thanh L liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.189.000đ (Hai triệu một trăm tám mươi chín nghìn đồng).

1.5. Về chi phí tố tụng: Số tiền xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 5.188.000đ ông L và ông C tự nguyện chịu. Số tiền này ông L và ông C đã nộp và chi xong.

2. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Các đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a , 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Văn Nội